

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/DS-ST

Ngày: 28-02-2025.

V/v “*Tranh chấp dân sự về
hợp đồng mua bán tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Ông **Trần Văn Bé Hai**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 28/02/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 673/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Kim T**, sinh năm 1996 – Chủ hộ kinh doanh Toàn Tiến T1.

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thành T2**, sinh năm 1969;

Bà **Nguyễn Thị Thu V**, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Tổ C, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà T, bà V có mặt; ông T2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà **Đặng Kim T** – Chủ hộ kinh doanh Toàn Tiến T1 trình bày: Ông **Nguyễn Thành T2** và bà **Nguyễn Thị Thu V** (ông T2 và bà V là vợ chồng) đã nhiều lần mua phân bón và

thuốc của cửa hàng; ngày 05/6/2023 ông T2 và bà V có ký vào biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ với số tiền 69.759.000 đồng. Ngày 28/6/2024, vợ chồng ông T2 tiếp tục đến cửa hàng để mua phân bón, thuốc và ghi vào sổ với tên Sáu S (tên thường gọi của ông T2); từ ngày 28/6/2024 đến ngày 09/9/2024 ông T2 và bà V nợ tiếp cửa hàng số tiền 20.643.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông T2 và bà V còn nợ lại là 90.402.000 đồng; đã nhiều lần bà T - Chủ hộ kinh doanh Toàn Tiến T1 yêu cầu ông T1 và bà V trả số tiền trên nhưng ông T1 và bà V không trả. Nay bà Đặng Kim T – Chủ hộ kinh doanh Toàn Tiến T1 yêu cầu ông Nguyễn Thành T2 và bà Nguyễn Thị Thu V có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 90.402.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra, bà T không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu V trình bày: Bà và ông Nguyễn Thành T2 là vợ chồng; bà V thừa nhận vợ chồng bà đã nhiều lần mua phân bón và thuốc của cửa hàng Toàn Tiến T1 do bà Đặng Kim T làm Chủ hộ kinh doanh và hiện nay bà và ông T1 còn nợ bà Đặng Kim T – Chủ hộ kinh doanh Toàn Tiến T1 với số tiền 90.402.000 đồng. Nay bà V đồng ý trả số tiền trên cho bà Đặng Kim T – Chủ hộ kinh doanh Toàn Tiến T1. Ngoài ra, bà không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Thành T2 đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo kết quả phiên họp cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:
 - + Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 05/6/2023 (bản chính).
 - + Sổ ghi đơn mua hàng ngày 28/6/2024 (bản photo);
 - + Sổ ghi đơn mua hàng ngày 15/8/2024 (bản photo);
- Các bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Kim T – Chủ hộ kinh doanh Toàn Tiến T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Thành T2 và bà Nguyễn Thị Thu V có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua phân bón và thuốc còn nợ là 90.402.000đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy: Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì nguyên đơn không tranh chấp số tiền nào khác; trong vụ án này chỉ liên quan đến các đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác nữa.

[4] Về thời hiệu, xét thấy: Hợp đồng dân sự mua bán tài sản được xác lập vào các năm 2023 và 2024, đồng thời không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Kim T – Chủ hộ kinh doanh Toàn Tiến T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Thành T2 và bà Nguyễn Thị Thu V có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua phân bón và thuốc còn nợ là 90.402.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất là hoàn toàn có căn cứ, bởi lẽ:

Theo biên bản xác nhận nợ ngày 05/6/2023 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu V thừa nhận vợ chồng (bà V là vợ của ông Nguyễn Thành T2) bà đã nhiều lần mua phân bón và thuốc của bà Đặng Kim T – Chủ hộ kinh doanh Toàn Tiến T1 và hiện nay còn nợ 90.402.000đồng; bà V thừa nhận việc mua phân bón và thuốc là để nhằm đáp ứng nhu cầu để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình, nay bà V cũng đồng ý liên đới cùng với ông T1 trả cho bà T số tiền 90.402.000đồng. Việc thừa nhận còn nợ và đồng ý trả nợ của bà V là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Mặt khác, ông Nguyễn Thành T2 đã được

tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án về những yêu cầu của của bà Đặng Kim T – Chủ hộ kinh doanh Toàn Tiến T1 nhưng ông T1 không có văn bản ý kiến hay phản đối gì đối với những yêu cầu của bà T. Do đó, việc bà Đặng Kim T – Chủ hộ kinh doanh Toàn Tiến T1 yêu cầu ông Nguyễn Thành T2 và bà Nguyễn Thị Thu V có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ là 90.402.000đồng có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Kim T – Chủ hộ kinh doanh Toàn Tiến T1 xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì bà Đặng Kim T – Chủ hộ kinh doanh Toàn Tiến T1 không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Kim T – Chủ hộ kinh doanh Toàn Tiến T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Thành T2 và bà Nguyễn Thị Thu V có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 90.402.000đồng, nên ông Nguyễn Thành T2 và bà Nguyễn Thị Thu V phải liên đới chịu 4.520.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đặng Kim T – Chủ hộ kinh doanh Toàn Tiến T1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.260.000đồng theo biên lai số 0009338 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 116, 275, 288, 429, 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Kim T – Chủ hộ kinh doanh Toàn Tiến T1.

- Buộc ông Nguyễn Thành T2 và bà Nguyễn Thị Thu V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Kim T – Chủ hộ kinh doanh T3 Tiến Tâm số tiền 90.402.000đồng (Chín mươi triệu, bốn trăm lẻ hai ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Thành T2 và bà Nguyễn Thị Thu V phải liên đới chịu 4.520.000đồng (Bốn triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Đặng Kim T – Chủ hộ kinh doanh Toàn Tiến T1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.260.000đồng theo biên lai số 0009338 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSV A (Đào);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hữu Chinh